

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01/12/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê.

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng M**, sinh năm 1996; địa chỉ: Đội 3, Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh **Lê C**, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 2, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Chị M và anh Lê C tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn khoảng từ đầu năm 2013, đến ngày 15/4/2013 chị và anh C mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị và anh C chung sống hạnh phúc được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không lo làm ăn, ngoại tình, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Chị và anh C đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2019 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị M yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê C.

Về con chung: Chị M và anh C có một con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/7/2013, cháu L đang sống cùng với chị M. Chị M đang có công việc, thu nhập ổn định, khoảng 4.000.000đ/tháng. Anh C hiện không có công việc và thu nhập ổn định, cháu L còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc của mẹ, do vậy chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai có tại hồ sơ của anh Lê C thể hiện: Anh C và chị M tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống anh và chị M có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì muốn có thêm thời gian để vợ chồng suy nghĩ. Nếu Tòa án quyết định cho ly hôn thì anh đồng ý giao cho chị M trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng, dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng M ly hôn với anh Lê C. Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/7/2013 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu ly hôn, có tranh chấp về nuôi con với anh Lê C; địa chỉ: Tổ 2, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Lê C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Lê C chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ đầu năm 2013 đến ngày 15/4/2013 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C được xác

lập hợp pháp từ ngày 15/4/2013. Trong quá trình chung sống chị M và anh C có phát sinh mâu thuẫn nên dẫn đến việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Theo kết quả xác minh mẹ đẻ của anh C, chị ruột của chị M và Trưởng Thôn H, xã C, huyện Đ thì vợ chồng chị M, anh C trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Anh C tuy không đồng ý ly hôn nhưng đã không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống cùng nhau. Nhiều lần Tòa án thông báo đến Tòa để hòa giải nhưng anh C không đến. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Lê C.

[4] Về việc nuôi con: Chị M và anh C có một con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/7/2013. Chị M đang trong độ tuổi lao động, có việc làm và thu nhập ổn định. Cháu L có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, anh C cũng đồng ý giao cho chị M trực tiếp nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cho chị M trực tiếp nuôi con là cháu Lê Nguyễn Nhật L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và tự lập được.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Lê C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng M, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Hồng M ly hôn với anh Lê C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/7/2013, khi cháu L chưa thành

niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004449 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lê C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 01/12/2020. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND xã C, huyện Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo